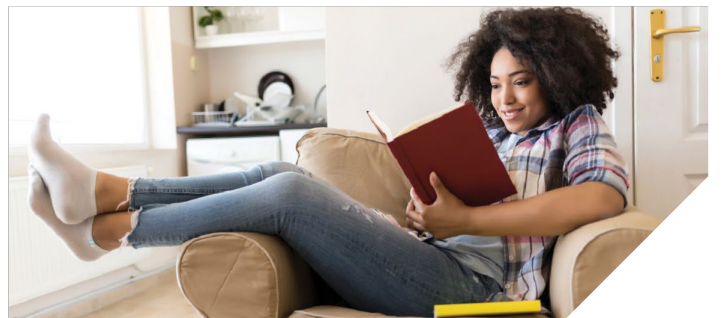




DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưa tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders			<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
			<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Amphetamines			Anti-Obesity Agents		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA	CONTRAVE	3	QL(4 EA daily); PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B		<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B		SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B		Stimulants - Misc.		
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST	<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiants Non-Amphetamine			<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	QL(20 ML per 28 day(s) retail; 20 ML per 28 days mail); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ACTEMRA SOSY	4	QL(3.6 ML per 28 day(s) retail; 4 ML per 28 days mail); SP; PA	<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA	<i>naproxen TABS</i>	1B	
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)			<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B		<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B		<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B		<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B		<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>etodolac TABS</i>	1B		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B		OTEZLA TABS	4	QL(2 EA daily); PA
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC	OTEZLA TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B		OTEZLA TBPk	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A		Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 EA daily)	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
<i>nabumetone</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions					
Analgesic Combinations			<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
METHADONE HCL SOLN IJ (<i>methadone hcl</i>)	1B	
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SUBSYS LIQD 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
QVAR REDIHALER	2	
Sympathomimetics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AIRDUO DIGIHALER	3	
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (<i>umeclidinium-vilanterol</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ML daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ML daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 GM daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(2 EA daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FYCOMPA TABS 2 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(6 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(1 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
APTIOM 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (eslicarbazepine acetate)	3	QL(2 EA daily); ST	lacosamide TABS	1B	QL(2 EA daily)
BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine CHEW 5 MG	1B	QL(100 EA daily)
BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	2	QL(8 EA daily); PA	lamotrigine CHEW 25 MG	1B	QL(20 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	lamotrigine TABS	1B	
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	lamotrigine TBDP	1B	QL(1 EA daily)
carbamazepine CHEW 100 MG	1B		levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	1B	QL(30 ML daily)
carbamazepine CP12 300 MG	1B	QL(4 EA daily)	levetiracetam TABS 500 MG	1B	QL(6 EA daily)
carbamazepine CP12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine CP12 100 MG	1B		levetiracetam TABS 1000 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine SUSP	1B		levetiracetam TB24	1B	QL(4 EA daily)
carbamazepine TABS	1B		oxcarbazepine SUSP	1B	QL(40 ML daily)
carbamazepine TB12 200 MG	1B	QL(6 EA daily)	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	1B	QL(3 EA daily)
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	1B	QL(4 EA daily)	oxcarbazepine TABS 600 MG	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	3	QL(3 EA daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG	3	QL(2 EA daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	pregabalin SOLN	3	QL(30 ML daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	primidone 50 MG, 250 MG	1B	
EPIDIOLEX	3	PA	rufinamide SUSP	1B	QL(80 ML daily); PA
eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1B	QL(2 EA daily); ST	rufinamide TABS 200 MG	1B	QL(2 EA daily); PA
gabapentin CAPS	1B		rufinamide TABS 400 MG	1B	QL(8 EA daily); PA
gabapentin SOLN	1B	QL(60 ML daily)	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	1B		TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML	1B	QL(40 ML daily)	topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 EA daily)
			topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 EA daily)

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	+
<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	+
<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 EA daily)
MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1B	#
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	+	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	#
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG, 40 MG</i>	1B	#	<i>amoxapine</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	#	<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B		<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	+	<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	+
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B		<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	#	<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B		<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B		<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	#	<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
Serotonin Modulators			ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
<i>nefazodone hcl</i>	1B		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA	<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail	Antidiabetic Combinations		
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B		<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B		<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	#	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	++; QL(4 EA daily)
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	+	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	++; QL(2 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	#	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	++; QL(4 EA daily)
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B				
Tricyclic Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	+; QL(5 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	+; QL(2.5 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	+; QL(3 EA daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	+; QL(0.035 EA daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
Incretin Mimetic Agents		
<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA
Insulin		

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	#; QL(1.34 ML daily)
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1B	#
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	#
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	#
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1B	#
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	#
INSULIN DEGLUDEC FLEXTouch SOPN	2	#
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	#
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2	
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2	
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B	
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B	
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B	
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	#
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	#
NOVOLIN N SUSP	2	#
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	#
NOVOLIN R SOLN IJ	2	#

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	
SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	+; QL(4 EA daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily)
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
VARUBI (180 MG DOSE) TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micalfungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Imidazole-Related Antifungals			<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>fluconazole SUSP</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	QUZYTIR SOLN IV	3	PA
TOLSURA CAPS	4	PA	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML</i>	1B	
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Antihistamines - Alkylamines			<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B		<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			Antihistamines - Piperidines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>ciproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		<i>ciproheptadine hcl TABS</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	+; QL(4 EA daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
Bile Acid Sequestrants			Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ezetimibe</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)	REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)	REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)	ACE Inhibitors		
Fibric Acid Derivatives			<i>benazepril hcl</i>	1B	+
<i>choline fenofibrate</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	+
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	+
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	+; QL(2 EA daily)	<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	+
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily); PV	<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily); PV	<i>ramipril CAPS</i>	1B	+
<i>pravastatin sodium</i>	1B	+; QL(1 EA daily)			

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
Agents for Pheochromocytoma			<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	+
<i>losartan potassium</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	+
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	+; QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	+; QL(8 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyl dopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	+
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ML per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
<i>FIRDAPSE</i>	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
<i>PRIFTIN</i>	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	LOQTORZI	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	RUXIENCE	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
TABLOID	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			PERJETA	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TUKYSA	4	PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
			DAURISMO	4	PA
			ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
ORGOVYX	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	4	PA
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	4	PA
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	4	PA
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 EA daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	KOSELUGO	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BRUKINSA	4	PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
MEKINIST SOLR	4	QL(40 ML daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	TABRECTA	4	QL(4 EA daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA	TAFINLAR TBSO	4	QL(30 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 50 MG</i>	4	QL(4 EA daily); PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 150 MG, 200 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TASIGNA 50 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); PA
NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TAZVERIK	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	TIBSOVO	4	PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TURALIO 125 MG	4	PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
QINLOCK	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 EA daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
			ONCASPAR	4	SP; PA
			Antineoplastics Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
arsenic trioxide 10 MG/10ML	4	SP; PA
bexarotene	4	SP; PA
dacarbazine SOLR 200 MG	4	SP; PA
hydroxyurea	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
tretinoin (chemotherapy)	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
leucovorin calcium SOLR	1B	
leucovorin calcium TABS	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
docetaxel CONC 20 MG/ML	4	SP; PA
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	4	SP; PA
eribulin mesylate	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
etoposide CAPS	4	SP; PA
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	4	PA
HALAVEN (eribulin mesylate)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	4	SP; PA
paclitaxel protein-bound particles	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
vincristine sulfate	4	SP; PA
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA
topotecan hcl SOLN	4	
topotecan hcl SOLR	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
carbidopa	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
benztropine mesylate SOLN	1B	
benztropine mesylate TABS	1B	
trihexyphenidyl hcl SOLN	1B	
trihexyphenidyl hcl TABS	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
entacapone	1B	QL(8 EA daily)
tolcapone	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
amantadine hcl CAPS	1B	
amantadine hcl SOLN	1B	
amantadine hcl TABS	1B	
apomorphine hydrochloride SOCT	4	PA
bromocriptine mesylate CAPS	1B	
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	1B	
carbidopa-levodopa-entacapone	1B	
carbidopa-levodopa TABS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA
<i>paliperidone</i>	1B	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)	BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)
<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B		CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST
Phenothiazines			COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3		<i>darunavir TABS</i>	1B	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
REXULTI	3	PA	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Thioxanthenes			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>thiothixene</i>	1B		EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Antiretrovirals			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)	GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)			
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)			
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)			
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
JULUCA	3	QL(1 EA daily)
KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP
<i>lamivudine (hcv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSP</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	+
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	+
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	+; QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	+
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	+
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	+
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	+
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	+
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	+
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	+; QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	+
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	+; QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	+
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	+
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>STENDRA (avanafil)</i>	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefдинир CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefдинир SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefіxime CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefіxime SUSR</i>	1B	ST	LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefрodoxime proxetil SUSR</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>cefрodoxime proxetil TABS</i>	1B		NEXTSTELLIS	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
AVERI TABS PO	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0				
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0				
FEMLYV TBDP	0				

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail; 9 EA per 84 days mail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Copper Contraceptives - IUD		
MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	0	
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER	0	
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Implants		
NEXPLANON	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - IUD		
KYLEENA	0	
LILETTA (52 MG)	0	
MIRENA (52 MG)	0	
SKYLA	0	
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPk</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPk</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF (<i>hydrocortisone sod succinate</i>)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
			<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
			<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	#
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	#
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	#
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	#
KETONE TEST STRP	1B	#
KETOSTIX STRP	1B	#
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	#
PRECISION XTRA KETONE	1B	#
RELION KETONE TEST STRP	1B	#
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	#, QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	#, QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ML daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA SV	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK 15 MG (<i>tolvaptan</i>)	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>tolvaptan TBPK 15 MG</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
ANGELIQ	3	
BIJUVA	3	
CLIMARA PRO	3	
COMBIPATCH PTTW	3	
DUAVEE	3	
<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
Estrogens		
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
EVAMIST SOLN	3	
MENEST 2.5 MG	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TAKHZYRO SOLN	4	PA	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA	DOPTelet	4	QL(3 EA daily); PA
Platelet Aggregation Inhibitors			<i>eltrombopag olamine</i> PACK 12.5 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>anagrelide hcl</i>	1B		<i>eltrombopag olamine</i> TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
BRILINTA 60 MG, 90 MG (<i>ticagrelor</i>)	2	QL(2 EA daily)	LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
<i>cilostazol</i>	1B		MIRCERA	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B		MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	NYVEPRIA	4	PA
<i>dipyridamole</i>	1B		PROCrit 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)	PROCrit 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	PROCrit 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
ZONTIVITY	3	PA	PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
Agents for Gaucher Disease			RETACRIT	4	PA
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA	UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA	UDENYCA SOAJ	4	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	UDENYCA SOSY	4	PA
Agents for Sickle Cell Disease			ZARXIO	4	PA
DROXIA CAPS	3				
Cobalamins					
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)			
Folic Acid/Folates					
<i>folic acid TABS</i>	0				
Hematopoietic Growth Factors					
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA			
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA			

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0	
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	
KIMONO PLUS MISC	0	
KIMONO PS PLUS MISC	0	
KIMONO PS MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	
KIMONO SENSATION MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KIMONO MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	
MAXX PLUS MISC	0		TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	
MAXX MISC	0		TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
TROJAN BARESKIN DEVI	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
TROJAN MAGNUM MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0	
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0	
TROJAN ULTRA THIN MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0	
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0	
TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0		Diabetic Supplies		
TRUE COVER DEVI	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	#; RX/OTC
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	#; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	#; RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SELECT LANCETS	1	6.66/day
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	#
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	QL(5 EA daily); RX/OTC
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST

MINERALS & ELECTROLYTES

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B	
IONOSOL-MB IN D5W	1B	
ISOLYTE-P IN D5W	1B	
ISOLYTE-S	1B	
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
<i>lactated ringer's</i>	1B	
NORMOSOL-M IN D5W	1B	
NORMOSOL-R PH 7.4	1B	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i> 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1B		<i>potassium chloride SOLN IV</i> 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	1B	
<i>potassium chloride in nacl</i> 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B	
POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B		<i>potassium chloride TBCR</i> 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	1B	
<i>ringer's</i>	1B		Sodium		
Fluoride			<i>sodium chloride SOLN IV</i> 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	1B	
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Magnesium			Chelating Agents		
<i>magnesium sulfate IJ</i> 50 %	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
Phosphate			<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>potassium phosphates</i> 45 MMOLE/15ML	1B		<i>trientine hcl</i> 250 MG	4	QL(8 EA daily); SP; PA
Potassium			Immunomodulators		
<i>potassium acetate SOLN</i> 2 MEQ/ML	1B		<i>lenalidomide</i> 20 MG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>lenalidomide</i> 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		Immunosuppressive Agents		
<i>potassium chloride PACK PO</i> 20 MEQ	1B	PA	ATGAM	4	SP; PA
			AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
			<i>azathioprine TABS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
			<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine SOLN IV</i> 50 MG/ML	1B	
			ENSPRYNG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	Central Muscle Relaxants		
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>baclofen TABS</i>	1B	
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)	<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)	<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
			<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
			<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
			<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
			<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B		PRED MILD	3	PA
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
NATACYN	2		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		ZYLET	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		Ophthalmic Surgical Aids		
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		HEALON PRO SOSY	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		PROVISC SOSY	3	PA
ZIRGAN GEL	2		Ophthalmics - Misc.		
Ophthalmic Immunomodulators			ALOCRIL	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	ALOMIDE	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
Ophthalmic Steroids			<i>brinzolamide</i>	1B	
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA	<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>difluprednate</i>	1B	PA	CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA	REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA	REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Multiple Sclerosis Agents			Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
BETASERON KIT	4	QL(0.5 EA daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>pimozide</i>	1B	
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)	Smoking Deterrents		
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)	NICOTINE KIT	0	
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	NICOTROL INHA	0	
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
			PROLASTIN-C SOLN	4	PA
			PROLASTIN-C SOLR	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail	MENACTRA	0	
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC	MENQUADFI 0.5 ML	0	
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms			MENVEO SOLN	0	
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)			MENVEO SOLR	0	
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)	PEDVAX HIB SUSP	0	
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	PENBRAYA	0	
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B		PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B		PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B		PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	PREVNAR 13	0	
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		TRUMENBA 0.5 ML	0	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)	VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)	Viral Vaccines		
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			ABRYSVO	0	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VACCINES			AREXVY	0	
Bacterial Vaccines			AUDENZ EMUL	0	
ACTHIB SOLR IM	0		AUDENZ PRSY	0	
BEXSERO 0.5 ML	0		COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
CAPVAXIVE	0		COMIRNATY SUSP	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		COMIRNATY SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
			HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
IPOL IJ	0		ROTARIX SUSP	0	
JYNNEOS	0		ROTATEQ SOLN	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL (At least 18 yrs old)
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		SPIKEVAX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		SPIKEVAX SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		TWINRIX SUSY	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		VAQTA	0	
MRESVIA	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		Spermicides		
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
			<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
			Vaginal Anti-inflammatory Agents		
			<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)

Ambetter Formulary Updated December 2025

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	44	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	48
abacavir sulfate TABS	30	ACTHAR GEL	44	AIMOVIG	53
abacavir sulfate-lamivudine	30	ACTHIB SOLR IM	65	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abiraterone acetate 250 MG	25	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28	AIRDUO DIGIHALER	10
abiraterone acetate 500 MG	25	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46		AIRSUPRA	10
ABRYSVO	65	acyclovir CAPS	32	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	61	acyclovir SUSP	32	albendazole	8
acarbose	14	acyclovir TABS PO	32	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	32	acyclovir TABS PO	32	albuterol sulfate NEBU	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	acyclovir topical CREA	40	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	acyclovir topical OINT	40	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADACEL SUSP	63	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	63	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adapalene CREA	37	ALDURAZYME	45
acetazolamide CP12	43	adapalene GEL	37	ALECENSA	26
acetazolamide sodium	43	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADCETRIS	24	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 250 MG	43	adefovir dipivoxil	31	alfuzosin hcl	48
acetic acid (otic)	60	ADEMPAS	34	ALINIA SUSR	21
acetic acid 0.25 %	47	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	63	aliskiren fumarate	21
acetylcysteine SOLN	37	ADVATE	48	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	ADYNOVATE	48	almotriptan malate 12.5 MG	53
acitretin 25 MG	39	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	65	almotriptan malate 6.25 MG	53
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	65	ALOCRIAL	59
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	65	alogliptin benzoate	15
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3	AFLURIA SUSP	65	alogliptin-metformin hcl	14
ACTEMRA SOSY	4			alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14

alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG 14	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG 1
ALOMIDE 59	amiodarone hcl TABS 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG 1
alosetron hcl 47	amitriptyline hcl TABS 14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG 1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate TABS 33	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG 1
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 33	amphotericin b IV 17
alprazolam TB24 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	amphotericin b liposome 17
alprazolam TBDP 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM 61
ALPROLIX 48	amlodipine besylate-valsartan 20	ampicillin CAPS 500 MG 60
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 59	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide 20	ampicillin sodium IV 10 GM 60
ALTABAX 38	amoxapine 14	anagrelide hcl 49
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT 48	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61	anastrozole 25
ALUNBRIG TABS 26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
ALUNBRIG TBPk 26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61	ANGELIQ 46
ALVESCO 9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61	ANNOVERA 36
alvimopan 47	amoxicillin CAPS 60	ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (umeclidinium-vilanterol) 10
amantadine hcl CAPS 28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 60	ANZEMET TABS 50 MG 17
amantadine hcl SOLN 28	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML 60	APIDRA SOLN 16
amantadine hcl TABS 28	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 60	APIDRA SOLOSTAR SOPN 16
ambrisentan 34	amoxicillin TABS 60	apomorphine hydrochloride SOCT 28
amcinonide CREA 40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK 65	apraclonidine hcl 58
amcinonide LOTN 40	amphetamine sulfate TABS 1	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 17
amcinonide OINT 40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG 1	aprepitant CAPS 80 MG 17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2		aprepitant CAPS 17
amiloride & hydrochlorothiazide .. 43		APTiom 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG, 1200 MG 1
amiloride hcl TABS 44		
aminocaproic acid TABS 50		

800 MG (eslicarbazepine acetate) .12	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .30	azelastine hcl (ophth) 59
APTIVUS CAPS30	atenolol & chlorthalidone20	azelastine hcl58
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML49	atenolol TABS32	AZELEX 37
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML49	ATGAM55	azithromycin PACK 51
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	azithromycin SOLR 51
ARCALYST3	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	azithromycin SUSR51
AREXVY65	atorvastatin calcium TABS19	azithromycin TABS 250 MG 51
arformoterol tartrate10	atovaquone21	azithromycin TABS 500 MG 51
ARIKAYCE2	atovaquone-proguanil hcl22	azithromycin TABS 600 MG 51
aripiprazole SOLN PO30	atracurium besylate 50 MG/5ML, 100 MG/10ML58	aztreonam 1 GM22
aripiprazole TABS30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML64	bacitracin (ophthalmic)58
armodafinil1	ATROVENT HFA9	baclofen TABS57
ARMOUR THYROID TABS63	AUDENZ EMUL65	balsalazide disodium CAPS 47
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))9	AUDENZ PRSY65	BALVERSA26
arsenic trioxide 10 MG/10ML28	AURANOFIN 3 MG3	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12
ARZERRA24	AUSTEDO TABS62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12
ascorbic acid SOLN IJ68	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK61	BAXDELA SOLR46
asenapine maleate 2.5 MG29	AUSTEDO XR TB2462	BAXDELA TABS46
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .29	avanafil33	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 53
aspirin CHEW5	AVERI TABS PO35	BELSOMRA50
aspirin TABS 325 MG5	AVONEX PEN AJKT62	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20
aspirin TBEC 325 MG5	AVONEX PREFILLED PSKT62	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..20
aspirin TBEC 81 MG5	AYVAKIT25	benazepril hcl19
aspirin-dipyridamole49	azacitidine SUSR23	bendamustine hcl SOLR23
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG30	AZATHIOPRINE SODIUM55	BENEFIX KIT48
	azathioprine TABS55	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37
	azelaic acid GEL42	

BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	58	BREZTRI AEROSPHERE	10
benzonatate 100 MG	37	betaxolol hcl	32	BRILINTA 60 MG, 90 MG (ticagrelor)	49
benzonatate 150 MG	37	bethanechol chloride 25 MG	65	brimonidine tartrate (topical)	42
benzonatate 200 MG	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	65	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	58
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bexarotene (topical)	39	brimonidine tartrate-timolol maleate	58
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bexarotene	28	brinzolamide	59
benzoyl peroxide GEL 5 %	37	BEXSERO 0.5 ML	65	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	12
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %	37	BEYFORTUS	60	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	37	bicalutamide	25	bromfenac sodium (ophth)	59
benztropine mesylate SOLN	28	BIJUVA	46	bromocriptine mesylate CAPS	28
benztropine mesylate TABS	28	BIKTARVY	30	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28
bepotastine besilate	59	bimatoprost SOLN	60	BRUKINSA	26
BESIVANCE	58	bisacodyl SUPP	50	budesonide (inhalation) SUSP	9
betaine	45	bisacodyl TBEC	50	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	budesonide (nasal)	58
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	40	bisoprolol fumarate	32	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate (topical) OINT	40	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate augmented CREA	40	BOOSTRIX SUSP	64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	44
betamethasone dipropionate augmented LOTN	40	BOOSTRIX SUSY	64	bumetanide TABS	44
betamethasone dipropionate augmented OINT	40	bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone valerate CREA	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone valerate FOAM	40	bosentan TABS 125 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone valerate LOTN	40	bosentan TABS 62.5 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone valerate OINT	41	bosentan TBSO 32 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
BETASERON KIT	62	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine PTWK	7
		BOSULIF TABS 400 MG	26		
		BRAFTOVI 75 MG	26		
		BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	10		
		BREO ELLIPTA	10		

bupropion hcl (smoking deterrent) 62	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 41	carbidopa28
bupropion hcl TABS13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 41	carbidopa-levodopa TABS28
bupropion hcl TB12 13	calcitonin (salmon) NA 44	carbidopa-levodopa TBCR 29
bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13	calcitriol (topical)39	carbidopa-levodopa TBDP 29
buspirone hcl 5 MG8	calcitriol CAPS 45	carbidopa-levodopa-entacapone ..28
buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8	calcitriol SOLN IV 45	carbinoxamine maleate SOLN18
busulfan SOLN23	calcium acetate (phosphate binder) CAPS47	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG5	calcium acetate (phosphate binder) TABS47	carboplatin SOLN 50 MG/5ML23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG 5	calcium chloride (dihydrate) SOLN 54	carisoprodol TABS57
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG 5	calcium polycarbophil TABS50	carmustine23
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG5	CALQUENCE 26	carteolol hcl (ophth)58
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG6	candesartan cilexetil20	carvedilol 32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide 20	carvedilol phosphate32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS5	capecitabine23	caspofungin acetate17
butalbital-aspirin-caffeine w/cod6	CAPRELSA26	CAYA DPRH51
butenafine hcl 38	captopril 12.5 MG19	CAYSTON22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .19	cefaclor CAPS 34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7	CAPVAXIVE65	cefaclor SUSR 250 MG/5ML 34
cabergoline45	carbamazepine CHEW 100 MG ...12	cefadroxil CAPS 34
CABOMETYX TABS26	carbamazepine CP12 100 MG12	cefadroxil SUSR 34
calcipotriene CREA39	carbamazepine CP12 200 MG12	cefadroxil TABS34
calcipotriene OINT39	carbamazepine CP12 300 MG12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG 34
calcipotriene SOLN 39	carbamazepine SUSP 12	cefdinir CAPS35
	carbamazepine TABS12	cefdinir SUSR35
	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG 12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM35
	carbamazepine TB12 200 MG12	cefixime CAPS35
		cefixime SUSR35
		cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 34
		cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...34

cefpodoxime proxetil SUSR35	chlorpromazine hcl TABS30	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide . 60
cefpodoxime proxetil TABS35	chlorthalidone 25 MG, 50 MG 44	cisplatin SOLN 100 MG/100ML23
cefprozil SUSR34	chlorzoxazone TABS 500 MG57	citalopram hydrobromide SOLN ... 13
cefprozil TABS34	chlorzoxazone TABS 750 MG57	citalopram hydrobromide TABS ... 13
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM 35	CHOLBAM46	clarithromycin SUSR51
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG35	cholecalciferol CAPS68	clarithromycin TABS51
ceftriaxone sodium IJ 250 MG35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT68	clarithromycin TB2451
cefuroxime axetil TABS34	cholestyramine light PACK 19	CLASSIC PRENATAL TABS 56
cefuroxime sodium IJ 750 MG35	cholestyramine light POWD19	clemastine fumarate SYRP 18
celecoxib 4	cholestyramine PACK19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18
cephalexin CAPS 34	cholestyramine POWD19	CLIMARA PRO46
cephalexin SUSR34	choline fenofibrate19	clindamycin hcl22
CERDELGA49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44	clindamycin palmitate hydrochloride . 22
CEREZYME 400 UNIT49	ciclopirox GEL38	clindamycin phosphate (topical) FOAM37
cetirizine hcl TABS18	ciclopirox olamine CREA38	clindamycin phosphate (topical) GEL 37
cevimeline hcl 56	ciclopirox olamine SUSP38	clindamycin phosphate (topical) LOTN37
CHEMET 17	ciclopirox SHAM 38	clindamycin phosphate (topical) SOLN37
CHEMSTRIP K STRP43	ciclopirox SOLN38	clindamycin phosphate (topical) SWAB38
chloramphenicol sodium succinate 21	cidofovir31	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML 22
chlordiazepoxide hcl CAPS 8	cilostazol49	clindamycin phosphate vaginal CREA67
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide64	CIMDUO30	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)38
chlordiazepoxide-amitriptyline61	cimetidine TABS 64	
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)56	cinacalcet hcl45	
chloroquine phosphate TABS 250 MG 22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN58	
chloroquine phosphate TABS 500 MG 22	ciprofloxacin hcl (otic)60	
chlorpromazine hcl SOLN30	ciprofloxacin hcl TABS46	
	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 46	
	ciprofloxacin-dexamethasone60	

clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	38	clotrimazole vaginal CREA 1 %	67	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)	30
clindamycin phosphate-tretinoin ..	38	clotrimazole w/ betamethasone CREA	38	CONTRACE	1
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ...	58	clotrimazole w/ betamethasone LOTN	38	COPIKTRA	26
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	58	clozapine TABS	29	CORDRAN TAPE	41
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	58	clozapine TBDP 100 MG	29	CORTISPORIN-TC	60
clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY .	39
clobazam TABS	11	clozapine TBDP 25 MG	29	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	39
clobetasol propionate CREA 0.05 % .	41	COARTEM	22	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	40
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	41	codeine sulfate TABS 30 MG	5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	40
clobetasol propionate FOAM	41	CODEINE SULFATE TABS	5	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	40
clobetasol propionate GEL 0.05 %	41	colchicine TABS	48	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	40
clobetasol propionate OINT 0.05 %	41	colchicine w/ probenecid	48	CREON CPEP	43
clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	41	colesevelam hcl PACK	19	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
clocortolone pivalate	41	colesevelam hcl TABS	19	cromolyn sodium (ophth)	59
clofarabine	23	colestipol hcl GRAN	19	cromolyn sodium NEBU	9
clomiphene citrate TABS	44	colestipol hcl PACK	19	crotamiton LOTN	42
clomipramine hcl	14	colestipol hcl TABS	19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6	
clonazepam TABS	11	COMBIPATCH PTTW	46	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7	
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMBIVENT RESPIMAT AERS ..	10	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-	
clonidine hcl TABS	20	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	26	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	56
clonidine PTWK	20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	26	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49
clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	26	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10	
clopidogrel bisulfate 75 MG	49	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	65	MG	57
clorazepate dipotassium TABS	8	COMIRNATY SUSP	65	cyclophosphamide CAPS	23
clotrimazole (topical) CREA	38	COMIRNATY SUSY	65	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clotrimazole (topical) SOLN	38			cycloserine	23
clotrimazole	56			cyclosporine (ophth) EMUL	59

cyclosporine CAPS	55	DAPTACEL	64	desogestrel & ethinyl estradiol	35
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	55	daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	55	darifenacin hydrobromide	65	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	55	darunavir TABS	30	desonide CREA	41
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	2	dasatinib	26	desonide LOTN	41
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	DAURISMO	24	desonide OINT	41
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	2	DEBACTEROL	56	desoximetasone CREA 0.25 %	41
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	decitabine	23	desoximetasone GEL	41
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	3	deferasirox PACK	17	desoximetasone OINT 0.25 %	41
cyproheptadine hcl SYRP	18	deferasirox TABS	17	desvenlafaxine succinate	14
cyproheptadine hcl TABS	18	deferasirox TBSO	17	dexamethasone ELIX	36
CYSTAGON CAPS	47	deflazacort SUSP	36	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36
CYSTARAN	59	deflazacort TABS	36	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	59
cytarabine SOLN	23	DELSTRIGO	30	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		demeclocycline hcl TABS	63	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36
dacarbazine SOLR 200 MG	28	DEPO-ESTRADIOL	46	dexamethasone SOLN	36
dactinomycin	25	DEPO-MEDROL SUSP	36	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	36
dalfampridine	62	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	36
danazol CAPS	7	desipramine hcl TABS	14	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
dantrolene sodium CAPS	58	desloratadine TABS	18	dexlansoprazole	64
dapagliflozin propanediol	16	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
dapsone	22	desmopressin acetate spray	45		
		desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	45		
		desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45			
		desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45			

dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	DIFFERIN LOTN38	diltiazem hcl TABS33
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 51	diltiazem hcl TB24 33
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG 1	diflorasone diacetate CREA 41	dimethyl fumarate CDPK 62
dextrose in lactated ringers 54	diflorasone diacetate OINT 41	dimethyl fumarate CPDR 62
DIACOMIT CAPS 250 MG12	diflunisal TABS 5	DIPENTUM47
DIACOMIT CAPS 500 MG12	difluprednate59	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
DIACOMIT PACK 250 MG12	digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML ...33	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML18
DIACOMIT PACK 500 MG12	digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG33	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML18
diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 53	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML 18
diazepam CONC8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML53	diphenoxylate w/ atropine LIQD ... 16
diazepam SOLN PO 5 MG/5ML8	DILANTIN (phenytoin sodium extended) 13	diphenoxylate w/ atropine TABS ...16
diazepam TABS8	DILANTIN13	dipyridamole49
diazoxide 15	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)13	disopyramide phosphate CAPS8
dichlorphenamide 43	DILANTIN SUSP (phenytoin)13	disulfiram61
diclofenac epolamine PTCH EX ...39	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .13	DIURIL SUSP44
diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 33	divalproex sodium TB24 13
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX39	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 33	divalproex sodium TBEC13
diclofenac sodium (ophth)59	diltiazem hcl CP1233	docetaxel CONC 20 MG/ML28
diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	diltiazem hcl CP2433	docetaxel SOLN 20 MG/2ML28
diclofenac sodium TB24 4	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG33	docosate calcium51
diclofenac sodium TBEC4	diltiazem hcl extended release beads 420 MG33	docosate sodium CAPS 100 MG ..51
diclofenac w/ misoprostol TBEC4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..33	docosate sodium CAPS 250 MG ..51
dicloxacillin sodium61	DILTIAZEM HCL SOLR33	dofetilide9
dicyclomine hcl CAPS 64		donepezil hydrochloride TABS 10 MG 61
dicyclomine hcl SOLN PO 64		donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG61
dicyclomine hcl TABS64		

donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol	35	electrolyte-148	54
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 61		drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	35	electrolyte-a	54
DOPTelet	49	DROXIA CAPS	49	ELESTRIN GEL	46
dorzolamide hcl	59	DUAVEE	46	eletriptan hydrobromide	53
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	DULERA	10	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
DOVATO	30	duloxetine hcl CPEP	14	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxazosin mesylate	20	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	10
doxepin hcl (antipruritic)	39	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42	ELIQUIS TABS	10
doxepin hcl (sleep)	50	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELLA	36
doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42	ELMIRON CAPS	48
doxepin hcl CONC	14	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51	ELOCTATE	48
doxercalciferol CAPS	45	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51	eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	49
doxercalciferol SOLN	45	DUREX TROPICAL MISC	51	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	49
doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	25	dutasteride	48	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ...	53
doxorubicin hcl SOLN	26	dutasteride-tamsulosin hcl	48	EMBECTA PEN NEEDLE NANO ...	53
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	econazole nitrate CREA	38	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	53
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	EDARBI	20	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	53
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	EDURANT	30	EMCYT	25
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	efavirenz CAPS 200 MG	30	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	63	efavirenz CAPS 50 MG	30	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 53	
doxycycline hyclate CAPS	63	efavirenz TABS	30	EMGALITY SOAJ	53
doxycycline hyclate SOLR	63	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY SOSY	53
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	63	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMSAM	13
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	EGRIFTA SV	44	emtricitabine CAPS	30
dronabinol CAPS	17	ELAPRASE	45	emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	30

emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30	entecavir TABS	31	erythromycin (ophth)	59
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	EPIDIOLEX	12	erythromycin base CPEP	51
EMTRIVA SOLN	30	epinastine hcl (ophth)	59	erythromycin base TABS	51
EMVERM CHEW	8	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	68	erythromycin base TBEC	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eplerenone	21	erythromycin ethylsuccinate SUSR	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin ethylsuccinate TABS	51
enalapril maleate TABS	19	epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL MINI SOCT	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS	56	escitalopram oxalate TABS	14
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 100 MG	29	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO 200 MG	29	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	64
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 300 MG	29	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	64
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC ..	64
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	ERBITUX	24	ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	48
ENGERIX-B SUSY	66	ergocalciferol CAPS	68	estazolam	50
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	68	esterified estrogens & methyltestosterone	46
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergoloid mesylates TABS	62	estradiol & norethindrone acetate TABS	46
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ERGOMAR SUBL	53	estradiol GEL	46
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	53	estradiol PTTW	46
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	eribulin mesylate	28	estradiol PTWK	46
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERIVEDGE	24	estradiol TABS	46
ENSPRYNG	55	ERLEADA 240 MG	25	estradiol vaginal CREA	68
entacapone	28	ERLEADA 60 MG	25	estradiol vaginal TABS	68
		erlotinib hcl	24	estradiol valerate	46
		ERTACZO	38	ESTRING RING 7.5 MCG/24HR ..	68
		ertapenem sodium IJ	21	ESTROGEL GEL (estradiol)	46
		erythromycin (acne aid) PADS	38		
		erythromycin (acne aid) SOLN	38		

estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	46	famotidine in nacl SOLN	64	fenoprofen calcium TABS	4
eszopiclone	50	famotidine SOLN 20 MG/2ML	64	FENSOLVI (6 MONTH) SC	45
ethacrynic acid	44	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	64	fentanyl citrate LPOP	5
ethambutol hcl TABS	23	famotidine SUSR	64	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
ethosuximide CAPS	13	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	50
ethosuximide SOLN	13	FANAPT	29	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	50
ethynodiol diacet & eth estrad	35	FANAPT TITRATION PACK A	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	fesoterodine fumarate	65
etodolac TABS	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51		FETZIMA CP24	14
etonogestrel-ethinyl estradiol	36	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	FETZIMA TITRATION C4PK	14
ETOPOPHOS	28	FASENRA PEN SOAJ	9	fidaxomicin TABS 200 MG	51
etoposide CAPS	28	FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9	finasteride	48
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	fingolimod hcl	62
etravirine 100 MG	30	FC2 FEMALE CONDOM	51	FIRDAPSE	23
etravirine 200 MG	30	febuxostat	48	FIRMAGON (240 MG DOSE)	25
EUCRISA	42	felbamate SUSP	13	FIRMAGON 80 MG	25
EVAMIST SOLN	46	felbamate TABS 400 MG	13	flavoxate hcl	65
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felbamate TABS 600 MG	13	flecainide acetate	9
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	56	felodipine	33	floxuridine	23
everolimus TABS	26	FEMCAP DEVI	51	FLUAD	66
EVEXITHROID TABS 180 MG	63	FEMLYV TBDP	35	FLUAD QUADRIVALENT	66
EVOTAZ	30	FEMRING	68	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 66	
exemestane	25	fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG	19	FLUARIX SUSY	66
ezetimibe	19	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT	66
ezetimibe-simvastatin	18	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUBLOK SOSY	66
famciclovir 125 MG, 250 MG	32			FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	66
famciclovir 500 MG	32			FLUCELVAX QUADRIVALENT	

SUSY66	fluorouracil (topical) SOLN39	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19
FLUCELVAX SUSP66	fluorouracil 500 MG/10ML 24	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19
FLUCELVAX SUSY66	fluoxetine hcl CAPS 10 MG14	fluvoxamine maleate TABS14
fluconazole SUSR18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG, 40 MG 14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT66
fluconazole TABS18	fluoxetine hcl CPDR14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY66
flucytosine18	fluoxetine hcl SOLN14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 66
fludarabine phosphate SOLN24	fluoxetine hcl TABS14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 66
fludarabine phosphate SOLR24	fluphenazine hcl CONC30	FLUZONE SUSP66
fludrocortisone acetate TABS37	fluphenazine hcl ELIX30	FLUZONE SUSY66
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 66	fluphenazine hcl SOLN 30	FML FORTE SUSP59
FLULAVAL SUSY66	fluphenazine hcl TABS30	folic acid TABS49
FLUMIST66	flurandrenolide CREA41	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
FLUMIST QUADRIVALENT66	flurandrenolide LOTN41	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
flunisolide (nasal)58	flurazepam hcl50	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluocinolone acetonide (otic) 60	flurbiprofen sodium59	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	flurbiprofen TABS 4	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST43
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %41	fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT 9	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON43
fluocinolone acetonide OIL 41	fluticasone furoate-vilanterol10	formoterol fumarate NEBU10
fluocinolone acetonide OINT41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9	FOSAMAX PLUS D44
fluocinolone acetonide SOLN41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58	fosamprenavir calcium TABS30
fluocinonide CREA 0.05 %41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	fosfomycin tromethamine 22
fluocinonide CREA 0.1 %41	fluticasone propionate hfa9	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20
fluocinonide emulsified base41	fluticasone propionate LOTN41	fosinopril sodium 19
fluocinonide GEL41	fluticasone propionate OINT41	fosphenytoin sodium 13
fluocinonide OINT41	fluticasone-salmeterol AEPB 10	
fluocinonide SOLN41	fluticasone-salmeterol AERO10	
fluorometholone (ophth) SUSP59		
fluorouracil (topical) CREA 5 % ...39		

FRAGMIN SOSY11	galantamine hydrobromide CP24 ..61	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 62
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER52	galantamine hydrobromide SOLN .61	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 62
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR52	galantamine hydrobromide TABS .61	
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR52	GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 60	GLEOSTINE 10 MG 23
FREESTYLE LIBRE 2 READER ..52	GAMMAGARD 30 GM/300ML60	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..52	GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR60	glimepiride 1 MG, 2 MG16
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR52	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 60	glimepiride 4 MG16
FREESTYLE LIBRE 3 READER ..53	GAMUNEX-C60	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..53	ganciclovir sodium SOLR31	glipizide TB2416
FREESTYLE LIBRE READER53	ganirelix acetate44	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG14
frovatriptan succinate 53	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML66	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG14
FT PRENATAL TABS56	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML66	GLUCAGEN DIAGNOSTIC43
fulvestrant SOSY25	gatifloxacin (ophth)59	glucagon SOLR IJ 1 MG15
furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML44	gefitinib24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16
furosemide TABS44	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG24	glyburide TABS 16
FUZEON SOLR30	gemfibrozil TABS19	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15
FYCOMPA TABS 2 MG (perampanel)11	GENOTROPIN CART SC45	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG14
FYCOMPA TABS 4 MG (perampanel)11	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 47
FYCOMPA TABS 6 MG (perampanel)11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %2	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 64
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (perampanel) 11	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..59	glycopyrrolate TABS 1 MG 64
gabapentin CAPS12	gentamicin sulfate (topical) CREA .38	glycopyrrolate TABS 2 MG 64
gabapentin SOLN12	gentamicin sulfate (topical) OINT ..38	GLYXAMBI 15
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2	GNP PRENATAL TABS 56
	GENVOYA30	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS56
	GILOTRIF24	GOHIBIC48

GOJJI BLOOD KETONE TEST ...43	HIBERIX SOLR IJ65	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HUMATROPE CART IJ45	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 6
granisetron hcl TABS 17	HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG7
GRASTEK SUBL2	HUMIRA (2 PEN) AJKT 3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7
griseofulvin microsize SUSP18	HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG 7
griseofulvin microsize TABS 18	HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG7
griseofulvin ultramicrosize18	HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT 3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG7
guanfacine hcl (adhd)1	HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT3	hydrocortisone (intrarectal)7
guanfacine hcl20	HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT3	hydrocortisone (rectal) EX7
GYNAZOLE-167	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %41
HAEGARDA SOLR SC48	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC16	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41
HALAVEN (eribulin mesylate)28	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %41
halcinonide CREA41	HYCAMTIN CAPS 28	hydrocortisone acetate (rectal)7
halobetasol propionate CREA41	hydralazine hcl SOLN21	hydrocortisone butyrate CREA 41
halobetasol propionate OINT41	hydralazine hcl TABS21	hydrocortisone butyrate OINT 41
HALOG OINT41	hydrochlorothiazide CAPS44	hydrocortisone butyrate SOLN 41
haloperidol decanoate29	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44	hydrocortisone sod succinate 100 MG 36
haloperidol lactate CONC29	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 44	hydrocortisone TABS 36
haloperidol lactate SOLN29	hydrocodone bitartrate CP125	hydrocortisone vaginal 67
haloperidol TABS29	hydrocodone bitartrate T24A5	hydrocortisone valerate CREA 42
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML66	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37	
HEALON PRO SOSY59		
HEMANGEOL SOLN PO32		
HEMATINIC/FOLIC ACID50		
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11		
HEPLISAV-B SOSY66		

hydrocortisone valerate OINT 42	ICLUSIG26	INLYTA24
hydrocortisone w/acetic acid60	icosapent ethyl 1 GM 19	INREBIC26
hydromorphone hcl LIQD 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML 26	INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN16
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML26	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16
hydromorphone hcl TABS5	IDELVION 48	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16
hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23	INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP16
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5	ifosfamide SOLR23	INSULIN ASPART SOLN IJ 16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	imatinib mesylate TABS 26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN 16
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	IMBRUVICA CAPS 140 MG 26	INSULIN DEGLUDEC SOLN 16
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	IMBRUVICA CAPS 70 MG 26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 16
hydroxyurea28	IMBRUVICA SUSP 26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 16
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML .. 8	IMBRUVICA TABS26	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN 16
hydroxyzine hcl SYRP8	imipenem-cilastatin IV 21	INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN16
hydroxyzine hcl TABS8	imipramine hcl TABS14	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN16
hydroxyzine pamoate CAPS8	imipramine pamoate14	INSULIN LISPRO SOLN IJ 16
HYPERSAL NEBU37	imiquimod 5 % 42	INTELENCE 25 MG31
HYQVIA 60	IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML53	IONOSOL-MB IN D5W54
ibandronate sodium SOLN 44	IMPAVIDO21	IOPIDINE58
ibandronate sodium TABS44	INCRELEX 45	IPOP IJ67
IBRANCE CAPS26	INCRUSE ELLIPTA9	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58
IBRANCE TABS 26	indapamide TABS 1.25 MG44	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4	indapamide TABS 2.5 MG44	ipratropium bromide SOLN 0.02 % . 9
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG .. 4	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	
ibuprofen TABS 800 MG4	indomethacin CPCR4	
icatibant acetate SOSY48	indomethacin CPCR4	
	INFANRIX 64	
	INFLECTRA SOLR 47	
	INGREZZA CAPS62	
	INGREZZA CPPK62	
	INGREZZA CPSP62	

ipratropium-albuterol SOLN10	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG 15	KEVZARA SOSY4
irbesartan20	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG 15	KIMONO COLORS DEVI51
irbesartan-hydrochlorothiazide20	JANUVIA 15	KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC51
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML28	JARDIANCE16	KIMONO MICRO THIN PLUS MISC . 51
irrigation solutions, physiological ..56	JEVTANA28	KIMONO MISC52
ISENTRESS CHEW 31	JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT 48	KIMONO PLUS MISC51
ISENTRESS HD TABS31	JULUCA31	KIMONO PS MISC51
ISENTRESS TABS 31	JYNARQUE TBPK 15 MG (tolvaptan)45	KIMONO PS PLUS MISC51
ISOLYTE-P IN D5W54	JYNNEOS67	KIMONO SENSATION MISC51
ISOLYTE-S54	KALETRA SOLN31	KIMONO SENSATION PLUS MISC 51
isoniazid SOLN 23	KALYDECO TABS63	KIMONO SPECIAL DEVI51
isoniazid SYRP 23	KAMELEON LUBRICATED MISC .51	KINRIX SUSY64
isoniazid TABS23	KANJINTI24	KISQALI (200 MG DOSE) 26
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG 8	KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) 54	KISQALI (400 MG DOSE) 26
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 33	KCL-LACTATED RINGERS-D5W 54	KISQALI (600 MG DOSE) 26
isosorbide mononitrate TABS8	ketoconazole (topical) CREA38	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) . 26
isosorbide mononitrate TB248	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .38	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) . 26
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG38	ketoconazole 18	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) . 26
isradipine CAPS33	KETONE TEST STRP43	KOGENATE FS KIT48
itraconazole CAPS18	ketoprofen CAPS 50 MG4	KOSELUGO26
itraconazole SOLN18	ketorolac tromethamine (ophth) ...59	KOVALTRY48
ivabradine hcl TABS34	ketorolac tromethamine TABS4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS57
ivermectin (pediculicide)42	KETOSTIX STRP43	KRINTAFEL22
ivermectin8	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 59	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI52
IXEMPRA KIT 15 MG28	KEVZARA SOAJ4	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52
JAKAFI 26		
JANUMET TABS15		

KYLEENA	36	lapatinib ditosylate	26	levetiracetam TB24	12
KYPROLIS	26	LASTACRAFT	60	levobunolol hcl 0.5 %	58
labetalol hcl SOLN	32	latanoprost SOLN	60	levocetirizine dihydrochloride SOLN	18
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	32	leflunomide	4	levocetirizine dihydrochloride TABS	18
labetalol hcl TABS 300 MG	32	LEMTRADA	62	levofloxacin (ophth) 0.5 %	59
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	55	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML	46
lacosamide TABS	12	15 MG, 25 MG	55	levofloxacin SOLN PO	46
lactated ringer's (irrigation)	56	lenalidomide 20 MG	55	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	46
lactated ringer's	54	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	24	levofloxacin TABS 500 MG	46
lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS	35
lactic acid (ammonium lactate) LOTN	42	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5	36
12 %	42	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	24	MG	36
lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	24	levonorgestrel-eth estradiol	35
lactulose SOLN	50	LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	24	(triphasic)	35
lamivudine (hbv) TABS	31	LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-	35
lamivudine SOLN	31	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	24	day) 0.03 MG-0.15 MG	35
lamivudine TABS 150 MG	31	letrozole	25	levonorgestrel-ethinyl estradiol	35
lamivudine TABS 300 MG	31	leucovorin calcium SOLR	28	(continuous)	35
lamivudine-zidovudine	31	leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron	35
lamotrigine CHEW 25 MG	12	LEUKERAN	23	35	
lamotrigine CHEW 5 MG	12	LEUKINE SOLR IJ	49	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5
lamotrigine TABS	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	levothyroxine sodium TABS	63
lamotrigine TBDP	12		25	LEXIVA SUSP	31
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33	levalbuterol hcl	10	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN	51
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	33	levalbuterol tartrate	10	0.5 %, 1 %, 2 %	51
MCG, 250 MCG (digoxin)	33	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	56
lansoprazole CPDR 15 MG	64	12		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	56
lansoprazole CPDR 30 MG	64	levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl GEL 2 %	42
lanthanum carbonate CHEW	47	levetiracetam TABS 250 MG, 750	12	lidocaine hcl PRSY	42
		MG	12		
		levetiracetam TABS 500 MG	12		

lidocaine hcl SOLN	42	loratadine TABS	18	45	
lidocaine PTCH 5 %	42	loratadine TBDP	18	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45
lidocaine-prilocaine CREA	42	lorazepam CONC	8	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
LILETTA (52 MG)	36	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
lincomycin hcl	22	lorazepam TABS 1 MG	8	lurasidone hcl 80 MG	29
linezolid SUSR	22	LORBRENA	26	LYNPARZA TABS	27
linezolid TABS	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	LYSODREN	25
LINZESS	47	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		mafenide acetate PACK	40
liothyronine sodium SOLN	63	losartan potassium	20	magnesium sulfate IJ 50 %	55
liothyronine sodium TABS	63	LOTEMAX OINT	59	malathion	43
liraglutide	15	loteprednol etabonate GEL	59	maraviroc TABS 150 MG	31
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		loteprednol etabonate SUSP	59	maraviroc TABS 300 MG	31
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19	MARPLAN	13
lisinopril & hydrochlorothiazide	20	lovastatin TABS 40 MG	19	MASONATAL TABS	57
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	loxapine succinate	29	MATULANE	28
lithium	29	lubiprostone	47	MAXIDEX SUSP OP	59
lithium carbonate CAPS	29	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	61	MAXX MISC	52
lithium carbonate TABS	29	luliconazole	39	MAXX PLUS MISC	52
lithium carbonate TBCR	29	LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	26	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17
LO LOESTRIN FE TABS	35	LUMAKRAS 320 MG	26	meclizine hcl TABS 25 MG	17
lofexidine hcl	61	LUMIZYME	45	meclofenamate sodium CAPS	4
LOKELMA	56	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	36
loperamide hcl CAPS	16	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36
lopinavir-ritonavir SOLN	31	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36
lopinavir-ritonavir TABS	31	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	61
LOQTORZI	24	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)		medroxyprogesterone acetate 2.5	
loratadine CAPS	18				
loratadine CHEW	18				
loratadine SOLN	18				

MG, 5 MG61	mesalamine SUPP47	methscopolamine bromide64
mefenamic acid CAPS4	mesalamine TBEC 1.2 GM47	methsuximide13
mefloquine hcl23	mesalamine TBEC 800 MG47	methyldopa TABS20
megestrol acetate (appetite)61	metaxalone 800 MG57	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1
megestrol acetate SUSP25	metformin hcl TABS 1000 MG15	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1
megestrol acetate TABS25	metformin hcl TABS 500 MG15	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..1
MEKINIST SOLR27	metformin hcl TABS 850 MG15	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG1
MEKINIST TABS 0.5 MG27	metformin hcl TB24 500 MG15	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2
MEKINIST TABS 2 MG27	metformin hcl TB24 750 MG15	methylphenidate hcl CP242
MEKTOVI27	methadone hcl CONC5	methylphenidate hcl CPRC2
meloxicam TABS4	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)6	methylphenidate hcl SOLN2
melphalan23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG2
melphalan hcl IV23	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2
memantine hcl TABS61	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2
MENACTRA65	methadone hcl TABS 10 MG6	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2
MENEST 2.5 MG46	methadone hcl TABS 5 MG6	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG2
MENOSTAR PTWK46	methadone hcl TBSO6	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG2
MENQUADFI 0.5 ML65	methamphetamine hcl1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG2
MENVEO SOLN65	methazolamide TABS43	methylphenidate PTCH2
MENVEO SOLR65	methenamine hippurate22	methylprednisolone acetate SUSP 36
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML5	methimazole TABS63	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG36
meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG57	methylprednisolone TABS36
meperidine hcl TABS 50 MG5	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML24	methylprednisolone TBPK36
meprobamate8	methotrexate sodium SOLR24	methyltestosterone TABS7
mercaptopurine TABS24	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	metoclopramide hcl SOLN IJ 5
meropenem21	methoxsalen rapid40	
mesalamine CP2447		
mesalamine CPDR47		
mesalamine ENEM47		

MG/ML	47	minocycline hcl TABS	63	montelukast sodium PACK	9
metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium TABS	9
metoclopramide hcl TABS	47	MIRCERA	49	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6
metolazone	44	MIRENA (52 MG)	36	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS	13	morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML	6
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TBDP	13	morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML	6
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		misoprostol	64	morphine sulfate TABS	6
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mitomycin SOLR IV 20 MG	26	morphine sulfate TBCR	6
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ..	26	MOTOFEN	16
metoprolol tartrate TABs 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	MIUDELLA INTRAUTERINE COPPER	36	MOVANTIK	47
metronidazole (topical) CREA	42	M-M-R II SOLR	67	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59 46	
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42		M-NATAL PLUS TABS	57	moxifloxacin hcl in sodium chloride 46	
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	42	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 67		moxifloxacin hcl TABS	46
metronidazole (topical) LOTN	42	modafinil 100 MG	2	MRESVIA	67
metronidazole TABs 250 MG, 500 MG	21	modafinil 200 MG	2	MULPLETA	49
metronidazole vaginal	67	MODERNA COVID-19 BIVALENT 67		MULTI PRENATAL TABS	57
mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	67	mupirocin OINT	38
micafungin sodium	17	MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	67	MVASI	24
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	67	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	67	MYALEPT	45
midodrine hcl	68	moexipril hcl	19	mycophenolate mofetil CAPS	56
miglitol	14	mometasone furoate (nasal) SUSP 58		mycophenolate mofetil TABS	56
miglustat	49	mometasone furoate CREA	42	mycophenolate sodium	56
minocycline hcl CAPS	63	mometasone furoate OINT	42	MYLERAN TABS	23
		mometasone furoate SOLN	42	nabumetone	4
		montelukast sodium CHEW	9	nadolol TABs 20 MG	32
				nadolol TABs 40 MG	32

nadolol TABS 80 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 60	nicotine polacrilex GUM 62
nafticillin sodium IV 10 GM 61	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 60	nicotine polacrilex LOZG 62
naftifine hcl CREA 1 % 39	NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14
naftifine hcl CREA 2 % 39	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	MG/24HR, 21 MG/24HR 62
nalbuphine hcl 7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	NICOTROL INHA 62
naloxone hcl LIQD 17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	NICOTROL NS SOLN 62
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG 57	nifedipine CAPS 10 MG 33
MG/10ML 17	NEONATAL PLUS TABS 57	nifedipine CAPS 20 MG 33
naltrexone hcl 17	NEONATAL PRENATAL TABS ... 57	nifedipine TB24 30 MG 33
naproxen sodium TABS 550 MG ... 4	NEONATAL VITAMIN TABS 57	nifedipine TB24 60 MG 33
naproxen SUSP 4	neostigmine methylsulfate SOSY . 23	nifedipine TB24 90 MG 33
naproxen TABS 4	NEO-SYNALAR 38	nifedipine TB24 33
naproxen TBEC 500 MG 4	NEUPRO 29	nilotinib hcl 150 MG, 200 MG 27
naratriptan hcl 54	NEVANAC 60	nilotinib hcl 50 MG 27
NATACYN 59	nevirapine SUSP 31	nilutamide 25
NATAZIA 35	nevirapine TABS 31	nimodipine CAPS 33
nateglinide 16	nevirapine TB24 400 MG 31	NINLARO 27
NAYZILAM 11	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG 64	NIPENT 28
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	NEXPLANON 36	nisoldipine 33
32	NEXTSTELLIS 35	nitazoxanide TABS 21
nebivolol hcl 20 MG 32	niacin (antihyperlipidemic) TBCR .. 19	nitisinone CAPS 45
NEBUSAL NEBU 37	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ... 68	NITRO-BID OINT 8
nefazodone hcl 14	NIACIN ER TBCR 68	nitrofurantoin 22
nelarabine 24	niacin TABS 68	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,
neomycin sulfate TABS 2	niacin TBCR 68	100 MG 22
neomycin-bacitracin zn-polymyxin 59	niacinamide TABS 100 MG 68	nitrofurantoin monohyd macro 22
neomycin-polymy-dexameth OINT 59	niacinamide TABS 500 MG 68	nitroglycerin (intra-anal) 7
neomycin-polymy-dexameth SUSP	nicardipine hcl CAPS 33	nitroglycerin CPCR 8
0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML,	nicardipine hcl SOLN 33	nitroglycerin PT24 8
0.1 % 59	NICOTINE KIT 62	NITROGLYCERIN SOLN IV 8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ... 59		nitroglycerin SUBL 8

NIVA-PLUS TABS	57	nortriptyline hcl SOLN	14	nystatin TABS	18
nizatidine CAPS	64	NORVIR CAPS	31	nystatin-triamcinolone CREA	39
NORDITROPIN FLEXPON SOPN 30 MG/3ML	45	NORVIR PACK	31	nystatin-triamcinolone OINT	39
NORDITROPIN FLEXPON SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 43		NYVEPRIA	49
norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVAREL IM 10000 UNIT	44	octreotide acetate SOLN	45
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	67	ODEFSEY	31
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	67	ODOMZO	24
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOEIGHT	48	OFEV	63
norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin (ophth)	59
norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN 70/30 SUSP	16	ofloxacin (otic)	60
norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16	ofloxacin 300 MG, 400 MG	46
norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN N SUSP	16	OGIVRI	24
norethindrone acetate TABS	61	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ...	16	olanzapine SOLR	29
norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOVOLIN R SOLN IJ	16	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ...	29
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NP THYROID TABS	63	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NUBEQA	25	olanzapine TBDP 20 MG	30
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NUCALA SOAJ	9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29
norgestimate-ethinyl estradiol ...	35	NUCALA SOLR	9	olmesartan medoxomil	20
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20
NORMOSOL-M IN D5W	54	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20
NORMOSOL-R PH 7.4	54	NUEDEXTA	62	olopatadine hcl (nasal)	58
nortriptyline hcl CAPS	14	NULOJIX	56	olopatadine hcl 0.1 %	60
		NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	67	olopatadine hcl 0.2 %	60
		nystatin (mouth-throat)	56	omega-3-acid ethyl esters	19
		nystatin (topical) CREA	39	omeprazole CPDR	64
		nystatin (topical) OINT	39	omeprazole magnesium CPDR ...	64
		nystatin (topical) POWD EX	39	omeprazole TBEC	64

omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG65	OTEZLA TBPB4	MG/3ML15
OMNIFLEX DIAPHRAGM52	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG4	OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...15
ONCASPAR27	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPB4	paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML28
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	oxacillin sodium IV 10 GM61	paclitaxel protein-bound particles .28
ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML23	paliperidone29
ondansetron hcl SOSY17	oxaprozin TABS4	palonosetron hcl SOLN17
ondansetron hcl TABS 24 MG17	oxazepam CAPS8	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML44
ondansetron hcl TABS 4 MG17	oxcarbazepine SUSP12	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44
ondansetron hcl TABS 8 MG17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG12	PANRETIN39
ondansetron TBDP 4 MG17	oxcarbazepine TABS 600 MG12	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 64
ondansetron TBDP 8 MG17	oxiconazole nitrate CREA39	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 64
ONE VITE WOMENS PLUS TABS 57	OXISTAT LOTN39	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER36
ONE VITE WOMENS TABS57	oxybutynin chloride SOLN65	paricalcitol CAPS45
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING53	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..65	paricalcitol SOLN45
OPILL36	oxybutynin chloride TB2465	paroxetine hcl SUSP14
OPSUMIT34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG6	paroxetine hcl TABS14
ORENITRAM TBCR33	oxycodone hcl TABS6	paroxetine hcl TB2414
ORGOVYX25	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	pazopanib hcl27
ORILISSA44	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	PEDIARIX SUSY64
ORKAMBI PACK63	oxymorphone hcl TABS6	pediatric multivitamins w/fl CHEW .56
ORKAMBI TABS63	oxymorphone hcl TB12 40 MG6	PEDVAX HIB SUSP65
ORLADEYO48	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid50
orphenadrine citrate TB1257	OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN15	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 50
oseltamivir phosphate CAPS32	OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4	peg 3350-potassium chloride-sod
oseltamivir phosphate SUSR32		
OSPHERA45		
OTEZLA TABS4		

bicarbonate-sod chloride50	perphenazine TABS30	pilocarpine hcl (oral)56
PEGASYS SOLN 31	perphenazine-amitriptyline61	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .58
PEGASYS SOSY31	PERSERIS PRSY29	pimecrolimus42
PEMAZYRE27	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT .67	pimozide62
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP67	pindolol TABS32
PENBRAYA65	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP67	pioglitazone hcl16
penciclovir40	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP67	pioglitazone hcl-glimepiride15
penicillamine CAPS55	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP67	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .15
penicillamine TABS55		piperacillin sodium-tazobactam sodium61
PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .60		PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .27
penicillin g potassium 5000000 UNIT 60	PHEBURANE PLLT45	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .27
penicillin g sodium60	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG48	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .27
penicillin v potassium SOLR60	phendimetrazine tartrate TABS1	pirfenidone CAPS63
penicillin v potassium TABS61	phenelzine sulfate13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 63
PENMENVY SUSR IM65	phenobarbital ELIX50	pirfenidone TABS 534 MG63
PENTACEL64	phenobarbital TABS50	piroxicam CAPS4
pentazocine w/ naloxone hcl7	phenoxybenzamine hcl20	PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L54
pentoxifylline48	phentermine hcl CAPS1	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) .54
perampanel TABS 2 MG11	phenytoin CHEW13	PLEGRIDY SOAJ62
perampanel TABS 4 MG11	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY SOSY SC62
perampanel TABS 6 MG11	phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .62
perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11	phenytoin SUSP13	
perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .19	PHEXX68	
perindopril erbumine 4 MG19	PHEXXI68	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC62
PERJETA24	PHOTOFRIN28	plerixafor50
permethrin CREA43	PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG27	PNEUMOVAX 23 SOLN65
permethrin LIQD EX43	PIFELTRO31	PNEUMOVAX 23 SOSY65

podofilox SOLN42	47	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG62
polymyxin b sulfate SOLR22	potassium phosphates 45	
polymyxin b-trimethoprim59	MMOLE/15ML55	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12
POMALYST25	PR BENZOYL PEROXIDE WASH	
posaconazole SUSP18	LIQD38	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...12
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .55	pralatrexate 20 MG/ML24	pregabalin SOLN12
potassium bicarbonate TBEF55	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG29	PREHEVBRIO67
potassium chloride CPCR55	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG29	PREMARIN68
potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %55	prasugrel hcl49	PREMARIN SOLR46
potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L54	pravastatin sodium19	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)46
POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)55	praziquantel8	PREMPHASE46
potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %55	prazosin hcl CAPS20	PREMPRO46
potassium chloride microencapsulated crystals er55	PRECISION XTRA KETONE43	PRENATAL ONE DAILY TABS57
potassium chloride PACK PO 20 MEQ55	PRED MILD59	PRENATAL PLUS TABS57
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55	prednisolone acetate (ophth)59	PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS57
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML55	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE59	PRENATAL TABS57
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ55	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML36	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS57
potassium citrate (alkalinizer) TBCR .	prednisolone sodium phosphate TBDP37	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT57
	prednisolone SOLN37	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT57
	prednisolone TABS37	PRENATRIX TABS57
	prednisone SOLN37	PRENATRYL TABS57
	prednisone TABS 1 MG, 5 MG37	
	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG37	
	prednisone TBPK37	
	pregabalin (once-daily) 330 MG ...62	

PREVNAR 13	65	promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML	18	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	30
PREVNAR 20	65	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18	quetiapine fumarate TB24	30
PREZCOBIX	31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19
PREZISTA SUSP	31	promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31	propafenone hcl CP12	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21
PRIFTIN	23	propafenone hcl TABS	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21
primaquine phosphate TABS	23	proparacaine hcl	59	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21
primidone 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl CP24	32	quinidine sulfate TABS	8
PRIORIX SUSR	67	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32	quinine sulfate CAPS 324 MG	23
PROAIR DIGIHALER	10	propranolol hcl TABS	32	QUZYTIR SOLN IV	18
PROAIR RESPICLICK AEPB	10	propylthiouracil	63	QVAR REDIHALER	9
probenecid	48	PROQUAD SUSR	67	rabeprazole sodium TBEC	64
procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protriptyline hcl	14	raloxifene hcl	45
prochlorperazine	30	PROVISC SOSY	59	ramelteon	50
prochlorperazine maleate TABS ...	30	prucalopride succinate	46	ramipril CAPS	19
PROCRT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	ranolazine TB12 1000 MG	8
PROCRT 40000 UNIT/ML	49	PULMOZYME	63	ranolazine TB12 500 MG	8
progesterone CAPS	61	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	rasagiline mesylate	29
PROGRAF PACK	56	pyrazinamide	23	REALITY LATEX CONDOMS MISC . 52	
PROGRAF SOLN	56	pyridostigmine bromide SOLN PO	23	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52
PROLASTIN-C SOLN	62	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52	
PROLASTIN-C SOLR	62	pyridostigmine bromide TBCR	23	REBIF REBIDOSE SOAJ	62
PROLEUKIN	28	pyrimethamine	23	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	62
PROLIA SOSY	44	QC PRENATAL TABS	57	REBIF SOSY	62
PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (eltrombopag olamine)	49	QINLOCK	27		
PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (eltrombopag olamine)	49	QUADRACEL SUSP	64		
		QUADRACEL SUSY	64		

REBIF TITRATION PACK SOSY ..62	ringer's irrigation56	RUBRACA27
RECOMBIVAX HB SUSP67	RINVOQ LQ SOLN2	rufinamide SUSP12
RECOMBIVAX HB SUSY67	RINVOQ TB242	rufinamide TABS 200 MG12
RELENZA DISKHALER32	risedronate sodium TABS 150 MG 44	rufinamide TABS 400 MG12
RELION KETONE TEST STRP ... 43	risedronate sodium TABS 35 MG .44	RUXIENCE24
RELION LANCET DEVICES 30G .53	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG44	RYBELSUS TABS15
RELION LANCETS53	risedronate sodium TBEC44	sacubitril-valsartan TABS33
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP43	risperidone microspheres29	salsalate5
RENFLEXIS47	risperidone SOLN29	SANTYL OINT42
repaglinide 0.5 MG, 1 MG16	risperidone TABS29	sapropterin dihydrochloride PACK .45
repaglinide 2 MG16	risperidone TBDP29	sapropterin dihydrochloride TABS .45
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT19	ritonavir TABS31	SAVELLA TABS61
REPATHA SOSY19	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML10	SAVELLA TITRATION PACK MISC 61
REPATHA SURECLICK SOAJ19	rivaroxaban TABS 2.5 MG10	saxagliptin hcl15
RETACRIT49	rivastigmine tartrate CAPS61	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG15
RETEVMO CAPS27	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15
RETROVIR SOLN31	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..54	SCEMBLIX 100 MG27
REXULTI30	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .54	SCEMBLIX 20 MG, 40 MG27
REZVOGLAR KWIKPEN16	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..54	scopolamine17
ribavirin (hepatitis c) CAPS31	roflumilast9	SELECT INSULIN SYRINGES53
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	romidepsin SOLR27	SELECT LANCETS53
RIDAURA3	ropinirole hydrochloride TABS29	selegiline hcl CAPS29
rifabutin23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG29	selegiline hcl TABS29
rifampin CAPS23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG29	selenium sulfide LOTN 2.5 %40
rifampin SOLR23	rosuvastatin calcium TABS19	SELZENTRY SOLN31
riluzole TABS58	ROTARIX SUSP67	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31
rimantadine hydrochloride TABS ..32	ROTATEQ SOLN67	SEMGLEE (YFGN) SOLN16
ringer's55	ROZLYTREK CAPS27	

SEMGLEE (YFGN) SOPN	16	acetate)	54	sotalol hcl TABS 240 MG	32
SEREVENT DISKUS	10	sodium acetate SOLN	54	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32
sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47	SOVALDI TABS 200 MG	31
sertraline hcl TABS	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	37	SOVALDI TABS 400 MG	31
sevelamer carbonate PACK	47	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	67
sevelamer carbonate TABS	47	sodium citrate & citric acid	47	SPIKEVAX SUSP	67
SHINGRIX	67	sodium fluoride CHEW	55	SPIKEVAX SUSY	67
SIGNIFOR	45	sodium phenylbutyrate POWD	45	spinosad	43
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	34	sodium phenylbutyrate TABS	45	SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	34	sodium polystyrene sulfonate POWD 56		spironolactone & hydrochlorothiazide	43
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	56	spironolactone TABS	44
sildenafil citrate	33	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	50	SPRAVATO (56 MG DOSE)	13
silodosin	48	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	31	SPRAVATO (84 MG DOSE)	13
silver sulfadiazine	40	solifenacin succinate TABS	65	SPRYCEL (dasatinib)	27
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLQUA	15	stannous fluoride CONC	56
SIMULECT	56	SOLOSEC	2	STELARA 130 MG/26ML	47
simvastatin TABS	19	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod succinate)	37	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	40
sirolimus TABS	56	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	37	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	40
SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 250 MG	37	STELARA SOSY 90 MG/ML	40
SIVEXTRO TABS	22	SOLU-MEDROL 2 GM	37	STENDRA (avanafil)	33
SKYLA	36	sorafenib tosylate	27	STIOLTO RESPIMAT	10
SKYRIZI PEN SOAJ	40	SORBITOL 3 %	47	STIVARGA	27
SKYRIZI SOCT	47	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	48	STRENSIQ	45
SKYRIZI SOLN	47	sotalol hcl (afib/afi)	32	streptomycin sulfate SOLR	2
SKYRIZI SOSY	40			STRIBILD	31
SLYND	36			STRIVERDI RESPIMAT	10
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	57			SUBSYS LIQD 800 MCG	6
SODIUM ACETATE SOLN (sodium				sucrafate SUSP	64

sucralfate TABS	64	MG	27	TASIGNA 150 MG, 200 MG (nilotinib hcl)	27
sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 37.5 MG	27	TASIGNA 50 MG (nilotinib hcl)	27
sulconazole nitrate SOLN	39	SUNOSI 150 MG	1	tavaborole	39
sulfacetamide sodium (acne)	38	SUNOSI 75 MG	1	TAVALISSE	48
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	59	SYNAREL	45	tazarotene CREA 0.1 %	40
		SYNJARDY TABS	15	TAZVERIK	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10		TDVAX SUSP	64
CREA 10 %-5 %	38	MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5		TEFLARO	35
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD		MG	15	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	12
10 %-5 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25		TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	12
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD		MG	15	telmisartan	20
9 %-4.5 %	38	SYNRIBO	28	telmisartan-amlodipine	21
sulfacetamide sod-prednisolone		SYNTHROID TABS (levothyroxine		telmisartan-hydrochlorothiazide ..	21
SOLN	59	sodium)	63	temazepam 15 MG, 30 MG	50
sulfadiazine TABS	63	TABLOID	24	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN		TABRECTA	27	TEMODAR SOLR	23
.....	21	tacrolimus (topical) OINT	42	temozolomide CAPS	23
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP		tacrolimus CAPS	56	temsirolimus	27
.....	21	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	56	TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	64
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS		tadalafil (pulmonary hypertension)		tenofovir disoproxil fumarate TABS	31
.....	21	TABS	34	terazosin hcl	20
SULFAMYLON CREA	40	tadalafil 5 MG	33	terbinafine hcl TABS	18
sulfasalazine TABS	47	TAFINLAR CAPS	27	terbutaline sulfate SOLN	10
sulfasalazine TBEC	47	TAFINLAR TBSO	27	terbutaline sulfate TABS	10
sulindac TABS	4	tafluprost	60	terconazole vaginal CREA	67
sumatriptan	54	TAGRISSO 40 MG	24	terconazole vaginal SUPP	67
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 80 MG	24	teriflunomide	62
sumatriptan succinate SOCT	54	TAKHZYRO SOLN	49		
sumatriptan succinate SOLN 6		TAKHZYRO SOSY	49		
MG/0.5ML	54	TALZENNA	27		
sumatriptan succinate TABS	54	tamoxifen citrate TABS	25		
sumatriptan-naproxen sodium	53	tamsulosin hcl	48		
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50					

teriparatide SOPN	44	tiopronin TBEC 100 MG	48	torsemide TABS	44
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiopronin TBEC 300 MG	48	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)	34
testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	9	tramadol hcl TABS 50 MG	6
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	31	tramadol hcl TB24	6
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	64	tizanidine hcl CAPS	57	tramadol-acetaminophen	7
tetrabenazine	62	tizanidine hcl TABS	57	trandolapril 1 MG, 2 MG	20
tetracycline hcl CAPS	63	tobramycin (ophth) SOLN	59	trandolapril 4 MG	20
THALOMID	55	tobramycin NEBU	2	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21
theophylline ELIX	10	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .	2	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21
theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 59		tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50
theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	67	tranexamic acid TABS	50
theophylline TB24	10	tolcapone	28	tranylcypromine sulfate	13
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	57	tolmetin sodium CAPS	4	travoprost SOLN	60
THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48	tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRAZIMERA	24
THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48	TOLSURA CAPS	18	trazodone hcl TABS	14
thioridazine hcl	30	tolterodine tartrate CP24	65	TRELEGY ELLIPTA	10
thiotepa 15 MG	23	tolterodine tartrate TABS	65	TRELSTAR MIXJECT	25
thiothixene	30	tolvaptan TABS	45	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	40
THYMOGLOBULIN	56	tolvaptan TBPK 15 MG	45	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 40	
THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate CPSP 15 MG	12	TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	47
tiagabine hcl	13	topiramate CPSP 25 MG	12	TREMFYA SOLN IV	47
TIBSOVO	27	topiramate CS24	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40
ticagrelor 60 MG, 90 MG	49	topiramate TABS 200 MG	13	TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 47	
tigecycline	63	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13		
timolol maleate (ophth) SOLG	58	topiramate TABS 50 MG	13		
timolol maleate (ophth) SOLN	58	topotecan hcl SOLN	28		
timolol maleate TABS	32	topotecan hcl SOLR	28		
		toremifene citrate	25		

treprostinil SOLN IJ	33	trientine hcl 250 MG	55	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	53
tretinoin (chemotherapy)	28	trifluoperazine hcl TABS	30	TRULANCE	46
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	38	trifluridine	59	TRULICITY	15
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38	trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRUMENBA 0.5 ML	65
tretinoin microsphere 0.1 %	38	trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG ..	15	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDED MISC	52
triamcinolone acetonide (mouth) ..	56	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	52
triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58	TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	42	trimethobenzamide hcl CAPS	17	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	42	trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	42	trimipramine maleate CAPS	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	42	TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	42	TRIUMEQ TABS	31	52	
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42	TRIZIVIR	31	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	52
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42	TROJAN BARESKIN DEVI	52	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	52
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	37	TROJAN MAGNUM MISC	52	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .	52
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43	TROJAN ULTRA THIN MISC	52	52	
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	52	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	52
triamterene CAPS	44	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	52	TRUXIMA	24
triazolam	50	52		TUKYSA	24
TRICARE TABS	57	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC .	52	TURALIO 125 MG	27
		tropicamide SOLN 0.5 %	58	TWINRIX SUSY	67
		tropicamide SOLN 1 %	58	TWIRLA	36
		trospium chloride CP24	65	TYBLUME CHEW	35
		trospium chloride TABS	65		
		TRUE COVER DEVI	52		
		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	43		

TYBOST	31	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	11	verapamil hcl TBCR	33
TYMLOS	44	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	VEREGEN	38
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	34	vancomycin hcl CAPS	21	VERZENIO	27
TYVASO SOLN IN	34	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	21	VICTOZA (liraglutide)	15
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	34	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	21	vigabatrin PACK	13
UBRELVY	53	VAQTA	67	vigabatrin TABS	13
UDENYCA ONBODY SOSY	49	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	67	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14
UDENYCA SOAJ	49	varenicline tartrate TABS	62	vilazodone hcl TABS	14
UDENYCA SOSY	49	varenicline tartrate TBPK	62	vincristine sulfate	28
umeclidinium-vilanterol	10	VARIVAX SUSR	67	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28
UPTRAVI TABS 200 MCG	34	VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17	VIRACEPT TABS 250 MG	31
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34	VAXELIS SUSP	64	VIRACEPT TABS 625 MG	31
UPTRAVI TITRATION TBPK	34	VAXELIS SUSY	64	VIREAD POWD	31
ursodiol CAPS	46	VAXNEUVANCE	65	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31
ursodiol TABS	46	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	67	VISTOGARD	17
UVADEX	28	VECAMEYL	21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	68
VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	VECTIBIX 100 MG/5ML	24	VITATHELY WITH GINGER TABS	57
valacyclovir hcl 1 GM	32	VELPHORO	47	VITRAKVI CAPS	27
valacyclovir hcl 500 MG	32	venlafaxine hcl CP24	14	VITRAKVI SOLN	27
valganciclovir hcl TABS	31	venlafaxine hcl TABS	14	VIZIMPRO	24
valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TB24	14	VORAXAZE	28
valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	33	voriconazole TABS	18
valrubicin	26	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33	VOSEVI	32
valsartan TABS	20	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33	VYNDAMAX	34
valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl TABS	33	VYNDAQEL	34
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11			warfarin sodium TABS	10
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	11			water for irrigation, sterile	56

WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65 52	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT 3
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70 52	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML 9	zafirlukast 9
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75 52	XOLAIR SOLR 9	zaleplon 10 MG 50
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80 52	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML 9	zaleplon 5 MG 50
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85 52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML 9	ZALTRAP 100 MG/4ML 24
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90 52	XOSPATA 27	ZANOSAR 23
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95 52	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG 25	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .13
XALKORI CAPS 27	XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 40 MG 25	ZARXIO 49
XARELTO STARTER PACK TBPK 10	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG 25	ZEJULA CAPS 27
XARELTO SUSR 1 MG/ML (rivaroxaban) 10	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG 25	ZEJULA TABS 100 MG 27
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG .. 10	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) . 25	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .. 27
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG (rivaroxaban) 10	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG 25	ZELBORAF 27
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..10	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) . 25	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT 43
XELJANZ SOLN 2	XTANDI CAPS 25	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT 43
XELJANZ TABS 10 MG 2	XTANDI TABS 40 MG 25	zidovudine CAPS 31
XELJANZ TABS 5 MG 2	XTANDI TABS 80 MG 25	zidovudine SYRP 31
XELJANZ XR TB24 2	XULTOPHY 15	zidovudine TABS 31
XEOMIN 58	XYNTHA 48	zileuton TB12 9
XERAFA 63	XYNTHA SOLOFUSE 48	ziprasidone hcl 29
XGEVA SOLN 44	YERVOY 24	ZIRABEV 24
XHANCE EXHU 58	YONSA 25	ZIRGAN GEL 59
XIFAXAN 200 MG 21	YUFLYMA (1 PEN) AJKT 3	ZOLADEX 10.8 MG 25
XIFAXAN 550 MG 21	YUFLYMA (2 PEN) AJKT 3	ZOLADEX 3.6 MG 25
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl) 15	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT 3	
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG 15		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG 15		

zoledronic acid CONC	44
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 44	
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	54
zolmitriptan TABS	54
zolmitriptan TBDP	54
zolpidem tartrate TABS	50
zolpidem tartrate TBCR	50
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	45
ZYDELIG	27
ZYLET	59

Ambetter from Nebraska Total Care được bảo lãnh bởi Nebraska Total Care, Inc., đây là đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Nebraska. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Nebraska Total Care, Inc., Ambetter.NebraskaTotalCare.com. Để biết thông tin về quyền được nhận một chương trình Ambetter from Nebraska Total Care mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.